

ĐÁP ÁN BÀI 3 TRANG 14 SGK ĐỊA LÝ 9

Đề bài:

Quan sát bảng 3.2, nêu nhận xét về sự phân bố dân cư và sự thay đổi mật độ dân số ở các vùng của nước ta.

Bảng 3.2. Mật độ dân số của các vùng lãnh thổ (người/km²)

Các vùng	Năm	1989	2003
Cả nước		195	246
- Trung du và miền núi Bắc Bộ		103	115
+ Tây Bắc			67
+ Đông Bắc			141
- Đồng bằng sông Hồng		784	1192
- Bắc Trung Bộ		167	202
- Duyên hải Nam Trung Bộ		148	194
- Tây Nguyên		45	84
- Đông Nam Bộ		333	476
- Đồng bằng sông Cửu Long		359	425

Trả lời:

Nhận xét:

1. Về sự phân bố dân cư: dân cư nước ta phân bố không đều giữa các vùng lãnh thổ:

- Giữa đồng bằng và trung du miền núi: dân cư nước ta tập trung đông đúc ở vùng đồng bằng và thưa thớt ở trung du, miền núi.

- Dân cư tập trung đông đúc nhất ở các vùng Đồng bằng sông Hồng (mật độ cao nhất 1192 người/km²), tiếp đến là Đồng bằng sông Cửu Long (359 người/km²) và Đông Nam Bộ (333 người/km²).
- Tiếp đến là các vùng đồng bằng ven biển: Bắc Trung Bộ (167 người/km²), Duyên Hải Nam Trung Bộ (148 người/km²).
- Dân cư thưa thớt ở khu vực đồi núi, cao nguyên: vùng trung du và miền núi Bắc Bộ (103 người/km²). Thấp nhất là Tây Nguyên với mật độ dân số chỉ 45 người/km².

- Giữa các vùng đồng bằng: đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất (784 người/km²), cao gấp 1,5 lần Đồng bằng sông Cửu Long (359 người/km²).

- Giữa các vùng miền núi: mật độ dân số vùng trung du và miền núi Bắc Bộ (103 người/km²) cao gấp hơn 2 lần Tây Nguyên (45 người/km²); Đông Bắc có mật độ dân số gấp 2 lần Tây Bắc.

2. Về sự thay đổi mật độ dân số ở các vùng:

- Giai đoạn 1989 – 2003, mật độ dân số của các vùng đều tăng lên khá nhanh, đặc biệt ở các vùng đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ và Đông Bắc.

- Đồng bằng sông Hồng tăng nhanh từ 784 người/km² lên 1192 người/km².
- Đông Nam Bộ tăng lên nhanh, vươn lên vị trí thứ 2 cả nước (476 người/km²).